

Số: *1245*/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày *05* tháng 6 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ chi tiết dự toán kinh phí thực hiện Đề án nâng cao chất lượng giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản năm 2014

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước; các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2986/QĐ-UBND ngày 26/12/2011 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2504/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2013 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2014;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại văn bản số 1369/STC-HCSN ngày 29 tháng 5 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ chi tiết dự toán kinh phí thực hiện Đề án nâng cao chất lượng cây trồng, vật nuôi, thủy sản năm 2014 với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng số kinh phí phân bổ: **5.778.000.000 đồng** (năm tỷ, bảy trăm bảy tám triệu đồng chẵn); trong đó:

- Chi cho công tác chuyển đổi giống cây trồng: 3.157.000.000 đồng;
- Chi hỗ trợ chuyển đổi giống vật nuôi : 1.584.000.000 đồng;
- Chi công tác hỗ trợ kỹ thuật : 970.000.000 đồng;
- Chi cho công tác tổ chức thực hiện : 67.000.000 đồng.

(Chi tiết nội dung chi và đơn vị thực hiện theo biểu phân bổ kèm theo)

2. Nguồn kinh phí: Kinh phí sự nghiệp nông nghiệp năm 2014 (Dự toán kinh phí thực hiện Chương trình Đề án ngành nông nghiệp năm 2014) được phân bổ tại Quyết định số 2504/QĐ-UBND 05/12/2013 của UBND tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Giao Sở Tài chính:

- Thông báo chi tiết kinh phí được phân bổ theo khoản 1, Điều 1 nêu trên đến từng đơn vị thực hiện; đồng thời hướng dẫn cho đơn vị thực hiện thanh quyết toán kinh phí được phân bổ theo đúng quy định hiện hành.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tổ chức kiểm tra việc thực hiện Đề án nâng cao chất lượng cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020 theo đúng nội dung được phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Lâm Đồng; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./- *shaw*

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, TC, NN.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



**CHI TIẾT PHÂN BỐ DỰ TÍNH THUỐC HIỆN ĐỀ ÁN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIỐNG CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI, THỦY SẢN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2014**

Quyết định số 131/15 ngày 05/6/2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Đơn vị, địa phương thực hiện											Đạ Têh	Cát Tiên	
		Đã Lạt	Lạc Dương	Đơn Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Di Linh	Đam Rông	Bảo Lâm	Bảo Lộc	Đạ Huoai	Đạ Têh			
I	Chuyển đổi giống cây trồng		110	40	105	457	323	305	270	222	360	280	325	210	
1	Cà phê	3,157													
	- Trồng mới	1,209													
	- Chuyển đổi giống	57													
2	Cây ăn quả	1,152	70						150	222	200	80	30		
3	Lúa	435							80		50				
4	Cây cao su	225												110	
6	Cây đậu nành	300										100	100	100	
7	Cỏ chăn nuôi	403							120		60	100			
8	Cỏ chăn nuôi khác	275			65				80		50		80		
9	Cây trồng khác	160	40	40	40				40						
	Cải tạo vườn điều, vườn tạp	150													
II	Hỗ trợ chuyển đổi giống vật nuôi	1,584	630	70	210	40				80	60	90	90	100	
1	Bò thịt	420			80	40					60	40	40	40	
	- Bò đực giống và bò cái sinh sản	420			80	40					60	40	40	40	
	- Thụ tinh nhân tạo cải thiện chất lượng	0													
2	Hèo	360	70	50	50					80		50	60		
3	Trâu	174		80	44										
4	Hỗ trợ tinh giới tính cải thiện chất lượng bò sữa	630	630												
III	Hỗ trợ kỹ thuật	970	470	50	50					50	50			50	
1	Xây dựng các mô hình điểm	500	100	50	50					50	50			50	
2	Xây dựng, hoàn thiện và ban hành các quy trình kỹ thuật mới trong canh tác, chăm sóc cây trồng, vật nuôi phù hợp với tình hình thực tế	150	150												
3	Khảo sát, đánh giá, lựa chọn các cây trồng mới đưa vào danh mục SXKD	70	70												
4	Rà soát, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch chi tiết cho các cây trồng, vật nuôi chính	250	250												
IV	Tổ chức thực hiện	67	67												
1	Hội nghị sơ kết	17	17												
2	Kinh phí quản lý	50	50												
	TỔNG CỘNG	5,778	1,167	280	300	497	373	355	320	352	470	370	415	360	

